TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2026/HS-ST
Ngày 13-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lực

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đào Thị Hòa

2. Ông Tống Văn Chiên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phùng Trung Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu tham gia phiên tòa:* Ông Lò Xuân Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:121/2026/TLST-HS, ngày 27/02/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2026/QĐXXST-HS, ngày 02/4/2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Xè D**; Tên gọi khác: Không có, sinh ngày 12/11/2000, tại: tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản M, xã S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Hà Nhì; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Bố đẻ: Xè T (đã chết), Mẹ đẻ: Ly Tả M, sinh năm 1963. Bị cáo là con một trong gia đình; Bị cáo đang chung sống như vợ chồng với Chang Dì P, sinh năm 2007 và bị cáo có 01 con, sinh năm 2025; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/11/2025 đến ngày 02/12/2025 bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Phân trại tạm giam Phong T - Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Nguyễn Xuân O – Luật sư ký hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L (có mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người phiên dịch cho bị cáo:* Ông Phu A D, sinh năm 1992. Trú tại: Tổ dân phố H, xã P, tỉnh Lai Châu. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 29/11/2025, Xè Dừ Đ, sinh ngày 12/11/2000, trú tại bản Mới, xã S, tỉnh Lai Châu đi xe ô tô khách từ xã S đến xã D, tỉnh Lai Châu, mục đích tìm mua Heroin để sử dụng. Khi xuống xe, Đ đi bộ vào bản U Ní C, xã D thì gặp một người đàn ông không rõ lai lịch, Đ mua của một người đàn ông đó 01 gói Heroine (*gói ngoài bằng 02 mảnh giấy trắng*) giá 300.000 đồng. Mua được H, Đ cất giấu trong túi áo khoác bên phải đang mặc rồi đi bộ về nhà. Hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày, Xè D đi đến bản Hợp 1, xã D, tỉnh Lai Châu thì bị Công an xã D bắt quả tang, thu giữ của Đ 01 gói Heroine.

Tại bản Kết luận giám định số 957 ngày 01/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: số chất bột, màu trắng thu giữ của Xè D có khối lượng 0,240 gam, là ma tuý, loại: Heroine.

Tại bản cáo trạng số: 119/CT-VKSKV3, ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu đã truy tố bị cáo Xè Dừ Đ về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng. Phần luận tội, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Xè Dừ Đ phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Về hình phạt, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Xè Dừ Đ từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 mảnh giấy trắng, 01 phong bì niêm phong đã mở.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý án phí, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, công tác tuyên truyền pháp luật tại địa phương còn nhiều hạn chế. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự xem xét xử phạt bị cáo bằng mức án thấp nhất mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là 03 năm tù. Ngoài ra, miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Xè Dừ Đ khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và không có tranh luận gì đối với đại diện Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Người bào chữa đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội mà bị cáo Xè Dừ Đ đã thực hiện:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong vật chứng, các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định: Hồi 16 giờ 00 phút ngày 29/11/2025, tại bản Hợp 1, xã D, tỉnh Lai Châu, bị cáo Xè Dừ Đ đang thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 01 gói Heroine có khối lượng 0,240 gam, mục đích để sử dụng thì bị Công an xã D bắt quả tang.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Bị cáo nhận thức được rõ H là một loại ma túy, chất gây nghiện có tác hại rất lớn và ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, là một trong những nguyên nhân gây mất trật tự xã hội và làm phát sinh tội phạm khác. Bị cáo biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật quy định:

"***Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy***

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma tuý mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma tuý thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, C1, Methamphetamine, A, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu đã truy tố bị cáo về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên toà, bị cáo Xè Dừ Đ đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để tiếp tục giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật trong nhân dân và đảm bảo công tác phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo có nghề nghiệp là lao động tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Tình tiết liên quan đến vụ án: Về nguồn gốc ma túy, bị cáo Xè Dừ Đ khai mua của một người không rõ lai lịch, do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 0,240 gam Heroine thu giữ của bị cáo Xè Dừ Đ, Cơ quan điều tra đã trích toàn bộ gửi giám định chất ma túy không hoàn lại mẫu vật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 02 mảnh giấy trắng, 01 phong bì niêm phong đã mở là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội và là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[8] Về án phí: Do bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tại phiên toà, bị cáo có đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và các vấn đề liên quan đến vụ án là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Xét đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Bộ luật hình sự xem xét xử phạt bị cáo bằng mức án thấp nhất mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là 03 năm tù là chưa đủ sức răn đe nên Hội đồng xét xử không chấp nhận; Xét đề nghị của người bào chữa về việc miễn án phí và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Xè Dừ Đ phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"

[2] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Xè Dừ Đ: 03 (*ba*) năm 04 (*bốn*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 02 mảnh giấy trắng, 01 phong bì niêm phong đã mở.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào 16 giờ 30 phút ngày 05/3/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L với Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Lai Châu)

[4] Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[5] Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND khu vực 3 – Lai Châu;
- CA tỉnh Lai Châu;
(CQĐT, THAHS, Phân trại tạm giam Phong Thổ);
- Phòng THSDS khu vực 3 - Lai Châu;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lực